

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa, thể thao thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2015;

Căn cứ Hướng dẫn số 1807/HD-BVHTTDL ngày 26/4/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 634/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh phê duyệt “Đề án phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định 1272/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh về việc phân công các Sở, ban, ngành hướng dẫn, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định 1273/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh về việc phân công các Sở, ban ngành hướng dẫn, đánh giá thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 2750/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định 2751/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 1205/TTr-SVHTT ngày 22/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa, thể thao thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các: Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc (thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở: VH&TT; NN&PTNT;
- LĐVP;
- Phòng KG-VX;
- Lưu: VT, btkien.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lưu Trung

HƯỚNG DẪN**VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU VỀ LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO
THUỘC BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)*

Căn cứ Hướng dẫn số 1807/HD-BVHTTDL ngày 26/4/2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh ban hành Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã và huyện nông thôn mới nâng cao thuộc lĩnh vực văn hóa và thể thao, cụ thể như sau:

I. ĐỐI VỚI BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

1. Nội dung tiêu chí số 6.1 “Xã có Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã”.

1.1. Địa điểm

Ở vị trí trung tâm đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

1.2. Diện tích

- Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; khoản 1, Điều 1, Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/4/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn, khoản 2, Điều 4 và khoản 2, Điều 7, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng		
			Đồng bằng	Miền núi	Vùng núi cao, hải đảo và xã đặc biệt khó khăn
1	Diện tích đất quy hoạch	1.1. Khu hội trường văn hóa đa năng	Từ 500 m ² trở lên	Từ 300 m ² trở lên	Từ 200 m ² trở lên
		1.2. Khu thể thao (chưa tính diện tích sân vận động)	Từ 2.000 m ² trở lên	1.200 m ² trở lên	500 m ² trở lên
		1.3. Các công trình thể thao có thể ở nhiều vị trí trên địa bàn xã. Các xã cần dành 2-3 m ² đất/người để xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, thể thao theo tiêu chuẩn quy hoạch nông thôn do Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009.			

1.3. Quy mô xây dựng

Thực hiện theo quy định tại điểm 2.1, khoản 2, Điều 6, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010; khoản 2, Điều 1, Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/4/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cụ thể:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng		
			Đồng bằng	Miền núi	Vùng núi cao, hải đảo và xã đặc biệt khó khăn
1	Quy mô	1.1. Hội trường văn hóa đa năng	200 chỗ ngồi trở lên	150 chỗ ngồi trở lên	100 chỗ ngồi trở lên

xây dựng	1.2. Phòng chức năng nhà văn hoá đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; hoặc tập các môn thể thao đơn giản)	05 phòng	04 phòng	
	1.3. Xây dựng các công trình thể thao theo quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục thể thao và tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các công trình thể dục thể thao.			
	1.4. Công trình phụ trợ Trung tâm Văn hoá, Thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa).	Có đủ	Đạt 80%	

Hồ sơ minh chứng: Hồ sơ quy hoạch sử dụng đất trong giai đoạn đã được phê duyệt, quyết định giao đất, hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khảo sát thực tế vị trí đất được quy hoạch, quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao, hồ sơ bản vẽ thiết kế.

2. Nội dung tiêu chí 6.2: Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

- Mỗi xã có ít nhất 01 điểm vui chơi, giải trí độc lập cho người già và trẻ em. Trong trường hợp xã chưa có điều kiện đầu tư riêng biệt điểm vui chơi, giải trí và thể thao dành riêng cho người già và trẻ em, có thể đặt trong khuôn viên của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và phải có các trang thiết bị hoạt động phù hợp. Đồng thời, xã phải cam kết lộ trình đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho người già và trẻ em.

- Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

Hồ sơ minh chứng: Quyết định đầu tư xây dựng khu vui chơi, giải trí dành cho người già và trẻ em, quyết định đầu tư các trang thiết bị, dụng cụ vui chơi giải trí dành cho người già và trẻ em, kế hoạch phòng chống đuối nước cho trẻ em và biên bản triển khai.

3. Nội dung tiêu chí 6.3: Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

- Diện tích, quy mô xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 6 Thông tư số 06/2010/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và

Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; Điều 2, Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL; khoản 2, Điều 2, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng		
			Đồng bằng	Miền núi	Vùng núi cao, hải đảo và xã đặc biệt khó khăn
1	Diện tích đất quy hoạch	1.1. Khu nhà văn hóa	Từ 300 m ² trở lên	Từ 200 m ² trở lên	Từ 100 m ² trở lên
		1.2. Khu thể thao sân tập thể thao đơn giản (chưa kể diện tích sân bóng đá đơn giản)	Từ 500 m ² trở lên	Từ 300 m ² trở lên	Từ 200 m ² trở lên
		1.3. Các công trình thể thao có thể ở nhiều vị trí trên địa bàn ấp.			
2	Quy mô xây dựng	2.1. Nhà văn hóa	Từ 100 chỗ ngồi trở lên	Từ 80 chỗ ngồi trở lên	Từ 50 chỗ ngồi trở lên
		2.2. Sân khấu trong hội trường	Từ 30 m ² trở lên	Từ 25 m ² trở lên	Từ 25 m ² trở lên
		2.3. Sân tập thể thao đơn giản	Từ 250 m ² trở lên	Từ 200 m ² trở lên	Từ 200 m ² trở lên
		2.4. Công trình phụ trợ nhà văn hóa - khu thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, cổng, tường rào bảo vệ).	Có đủ	Đạt 80%	
		2.5. Nơi có điều kiện xây dựng những công trình thể thao khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng			

		dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục thể thao và tiêu chuẩn thiết kế xây dựng các công trình thể dục thể thao.			
--	--	---	--	--	--

Hồ sơ minh chứng: Hồ sơ quy hoạch sử dụng đất trong giai đoạn đã được phê duyệt, quyết định giao đất, hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khảo sát thực tế vị trí đất được quy hoạch, quyết định đầu tư xây dựng nhà văn hóa - khu thể thao ấp.

4. Nội dung tiêu chí số 16: “Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Ấp được tặng danh hiệu “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30, Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa, thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa, xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và các văn bản của UBND cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa.

- Về phòng chống bạo lực gia đình: Tại thời điểm xét công nhận về đích nông thôn mới, xã không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm; trên địa bàn xã xây dựng được mô hình phòng chống bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy, điểm tạm lánh dành cho nạn nhân...

- Yêu cầu: Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư; thôn, bản, ấp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt danh hiệu “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa”; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch, kịp thời trong việc xét tặng các danh hiệu thi đua.

- Hồ sơ đề nghị xét tặng và trình tự thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” và “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” được quy định tại Điều 7, Điều 8, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP.

Hồ sơ minh chứng: Kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới, kế hoạch triển khai thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, kế hoạch bình xét các danh hiệu văn hóa, hồ sơ văn bản theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP, các quyết định công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”, quyết định công nhận các mô hình, điểm tạm lánh, địa chỉ tin cậy, Quyết định của Ban Chỉ đạo, Ban Vận động...

II. ĐỐI VỚI BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 đối với lĩnh vực văn hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Xã đạt chuẩn và giữ vững các tiêu chí, chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2018-2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Nội dung tiêu chí 6.1: “Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên”.

2.1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã được đầu tư xây dựng riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận (trường hợp Trung tâm Văn hóa - Thể thao đã được đầu tư nằm trong khu hành chính, địa phương cần sửa chữa, nâng cấp đảm bảo đạt chuẩn theo quy định, xây dựng lối đi riêng biệt đảm bảo điều kiện người dân tiếp cận và sử dụng dễ dàng, đảm bảo hoạt động của Trung tâm không làm ảnh hưởng đến động của các cơ quan, đơn vị trong khu hành chính). Diện tích, quy mô và trang thiết bị thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 6, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng		
			Đồng bằng	Miền núi	Vùng núi cao, hải đảo và xã đặc biệt khó khăn
1	Diện tích đất được sử dụng	Diện tích đất quy hoạch khu Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (không tính diện tích sân vận động)	Tối thiểu 2.500 m ²	Tối thiểu 1.500 m ²	
2	Quy mô xây dựng	2.1. Hội trường văn hóa đa năng	Tối thiểu 250 chỗ ngồi	Tối thiểu 200 chỗ ngồi	

		2.2. Phòng chức năng nhà văn hoá đa năng (hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; hoặc tập các môn thể thao đơn giản)	05 phòng	04 phòng
		2.3. Sân bóng đá tối thiểu 90x120 m (không tính diện tích các sân khác)	Sân bóng đá tối thiểu 90x120 m (không tính diện tích các sân khác)	Sân bóng đá tối thiểu 90x120 m (không tính diện tích các sân khác)
		2.4. Công trình phụ trợ Trung tâm Văn hoá, Thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa)	Có đủ	Đạt 80%
3	Trang thiết bị	3.1. Hội trường văn hóa đa năng có đủ: Bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh	Có đủ	Đạt 80%
		3.2. Dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình thể dục thể thao và các môn thể thao của từng xã	Có đủ	Đạt 80%

- Nhà văn hóa kết hợp trụ sở ấp; khu thể thao được tu bổ, tôn tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ - thể dục, thể thao của cộng đồng dân cư. Diện tích, quy mô và trang thiết bị thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, Điều 6, Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
1	Diện tích đất quy hoạch	1.1. Diện tích đất khu Nhà văn hóa	Từ 500 m ² trở lên	Từ 300 m ² trở lên
		1.2. Diện tích khu thể thao	Từ 2.000 m ² trở lên	Từ 1.500 m ² trở lên

2	Quy mô xây dựng	2.1. Hội trường Nhà văn hóa	Từ 100 chỗ ngồi trở lên	Từ 80 chỗ ngồi trở lên
		2.2. Sân khấu trong hội trường	Từ 30 m ² trở lên	Từ 25 m ² trở lên
		2.3. Sân tập thể thao đơn giản	Từ 250 m ² trở lên	Từ 200 m ² trở lên
		2.4. Công trình phụ trợ Nhà văn hóa - Khu thể thao (nhà để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, công, tường rào bảo vệ).	Có đủ	Đạt 80%
		2.5. Có thể xây dựng những công trình thể thao khác được quy định tại Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, thể thao.		
3	Trang thiết bị	3.1. Trang bị của hội trường Nhà văn hóa: - Bộ trang thiết bị âm thanh (tivi, ampli, micro, loa). - Bộ trang trí, khánh tiết: cờ Tổ quốc, cờ Đảng, ảnh hoặc tượng Bác Hồ, phong màn sân khấu nhỏ, băng khẩu hiệu, cờ trang trí... - Bàn, ghế phục vụ sinh hoạt - Tủ sách, tranh ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi. - Bảng tin, nội quy hoạt động. - Một số nhạc cụ phổ thông, truyền thống phù hợp với địa phương.	Có đủ	Đạt 80%
		3.2. Dụng cụ thể thao: Một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	Có đủ các dụng cụ thể dục thể thao theo nhu cầu sử dụng	Có các dụng cụ thể thao tối thiểu

2.2. Về lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng

- Đối với khu vực đồng bằng: Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

- Đối với miền núi, hải đảo: Có 50% các điểm cộng cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

2.3. Về tổ chức các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên

- Các loại hình hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao thực hiện theo quy định tại khoản 6, 7, 8, Điều 6, Thông tư Số 12/2010/TT-BVHTTDL, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
6	Hoạt động văn hóa, văn nghệ	6.1. Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị	12 cuộc/năm	Tối thiểu 4 cuộc/năm
		6.2. Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng	04 cuộc/năm	Tối thiểu 02 cuộc/năm
		6.3. Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ	05 Câu lạc bộ trở lên	03 Câu lạc bộ trở lên
		6.4. Thư viện, phòng đọc sách, báo	Hoạt động tốt	Có hoạt động
		6.5. Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc.	Hoạt động tốt	Có hoạt động
		6.6. Thu hút Nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa.	Tối thiểu 30% trở lên/tổng số dân	Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân
7	Hoạt động thể dục thể thao	7.1. Thi đấu thể thao	06 cuộc/năm	04 cuộc/năm
		7.2. Thu hút Nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	Tối thiểu 25%/tổng số dân	Tối thiểu 20%/tổng số dân
8	Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em	Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao	Đạt 30% thời gian hoạt động	Đạt 20% thời gian hoạt động

- Đối với hoạt động thư viện:

+ Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho Nhân dân tối thiểu đạt 3.000 lượt/năm trở lên đối với vùng đồng bằng;

+ Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho Nhân dân đạt tối thiểu 1.500 lượt/năm trở lên đối với vùng miền núi;

+ Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho Nhân dân đạt tối thiểu từ 500 lượt/năm trở lên đối với vùng núi cao, hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn.

Hồ sơ minh chứng gồm các quyết định đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, bản vẽ thiết kế, quyết định đầu tư mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao, danh mục tài nguyên thông tin phục vụ, kế hoạch tổ chức các hoạt động hàng năm, kế hoạch tổ chức từng hoạt động...

3. Nội dung tiêu chí 6.2 “Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy đúng giá trị quy định”

Di sản văn hóa trên địa bàn xã được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị theo quy định pháp luật về di sản văn hóa:

- Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 (các Điều: 17, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 41, 42, 43, 45);

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam.

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

- Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.

- Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

Hồ sơ minh chứng gồm hồ sơ danh mục các di sản trên địa bàn được lập đúng theo biểu mẫu quy định; quyết định công nhận các di tích trên địa bàn.

4. Nội dung tiêu chí 6.3 “Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới”

- Ấp được tặng danh hiệu “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30, Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và các văn bản của UBND tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa.

- Về phòng, chống bạo lực gia đình: Tại thời điểm xét công nhận về đích nông thôn mới, xã không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm; trên địa bàn xã xây dựng được mô hình Phòng chống bạo lực gia đình, địa chỉ tin cậy, điểm tạm lánh dành cho nạn nhân...

- Yêu cầu: Xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư; thôn, bản, ấp đoàn kết, dân chủ, văn minh, đạt danh hiệu “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa”; xây dựng nếp sống văn hóa tiến bộ, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện hương ước, quy ước; nhân rộng phát huy những mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch, kịp thời trong việc xét tặng các danh hiệu thi đua; tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn “Ấp văn hóa” phải đạt từ 90% trở lên.

- Hồ sơ đề nghị xét tặng và trình tự thủ tục xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” và “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” được quy định tại Điều 7, Điều 8, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP.

Hồ sơ minh chứng: Kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới, kế hoạch triển thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, kế hoạch bình xét các danh hiệu văn hóa, hồ sơ văn bản theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP, các Quyết định công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn (ấp), tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”, quyết định công nhận các mô hình, điểm tạm lánh, địa chỉ tin cậy... quyết định Ban Chỉ đạo, Ban Vận động....

5. Nội dung tiêu chí 13.7 “Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội”

5.1. Xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

5.2. Thông tin về các điểm du lịch của xã được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

* Hồ sơ minh chứng: Cập nhật link/đường dẫn trên các bài viết về du lịch của xã trên trang thông tin điện tử hoặc website hoặc tên fanpage cụ thể trong báo cáo kết quả thực hiện. Thể hiện số liệu cụ thể về các bài đăng về chuyên mục du lịch, các điểm du lịch của xã trong 01 năm, đồng thời in tất cả các bài viết đính kèm báo cáo nhằm thể hiện tính thường xuyên liên tục trong thực hiện quảng bá du lịch.

III. ĐỐI VỚI BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 đối với lĩnh vực văn hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Xã đạt chuẩn và giữ vững nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 về các tiêu chí, chỉ tiêu đối với lĩnh vực văn hóa; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

2. Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 60% trở lên/tổng số người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

3. Mỗi ấp có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên và có hiệu quả.

4. Hoạt động tín ngưỡng, tâm linh truyền thống phù hợp theo quy định của pháp luật được duy trì và bảo tồn đảm bảo giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc anh em.

IV. ĐỐI VỚI BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA HUYỆN THÔN NÔNG MỚI VÀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI ĐẶC THÙ

1. Nội dung tiêu chí 5.2 “Trung tâm Văn hóa Thể thao đạt chuẩn, có nhiều hoạt động kết nối với xã”

1.1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn

- Quy hoạch đất tại vị trí trung tâm đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

- Diện tích sử dụng: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

- Quy mô xây dựng và trang thiết bị hoạt động: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, Điều 2, Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng	
			Đồng bằng	Miền núi, hải đảo
2	Tổng diện tích đất hiện đang sử dụng	2.1. Diện tích đất được quy hoạch (không kể diện tích của các công trình thể dục thể thao trong nhà và ngoài trời)	Tối thiểu 5.000 m ²	Tối thiểu 2.500 m ²
		2.2. Diện tích hoạt động trong nhà:		
		- Văn phòng	- Tối thiểu 250 m ²	- Tối thiểu 150 m ²
		- Phục vụ hoạt động chuyên môn	Tối thiểu 1.000 m ²	Tối thiểu 600 m ²
		2.3. Diện tích hoạt động ngoài trời	Tối thiểu 3.300 m ²	Tối thiểu 1.750 m ²
3	Quy mô xây dựng	3.1. Hội trường	Tối thiểu 350 chỗ ngồi	Tối thiểu 300 chỗ ngồi
		3.2. Phòng làm việc lãnh đạo:		
		- Phòng Giám đốc	Tối thiểu 10 m ²	Tối thiểu 10 m ²
		- Phòng các Phó giám đốc	Tối thiểu 10 m ²	Tối thiểu 10 m ²
		3.3. Diện tích phòng làm việc của bộ phận chuyên môn		
		- Hành chính - Tổng hợp	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Văn hóa văn nghệ	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Thể dục thể thao	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Đội Tuyên truyền lưu động	Tối thiểu 30 m ²	Tối thiểu 25 m ²

		* Một số Trung tâm cấp huyện chưa tách các tổ chức sự nghiệp riêng biệt có thể có các phòng làm việc của bộ phận chuyên môn như sau:		
		- Phòng truyền thông	Tối thiểu 60 m ²	Tối thiểu 40 m ²
		- Phòng đọc, kho sách	Tối thiểu 60 m ²	Tối thiểu 40 m ²
		- Du lịch, nếp sống, gia đình	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Kho chứa trang thiết bị	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 20 m ²
		3.4. Công trình thể dục thể thao	Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao	Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao
		3.5. Công trình phụ trợ		
		- Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà	Tối thiểu 12x8 m	Tối thiểu 9x6 m
		- Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời	Tối thiểu 500 m ²	Tối thiểu 400 m ²
		- Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa	Tối thiểu 800 m ²	Tối thiểu 500 m ²
4	Trang thiết bị	4.1. Hội trường đa năng - Trang bị âm thanh, ánh sáng - Đạo cụ, trang phục	- Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 350 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 350 người - Đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn	- Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 300 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 300 người - Đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho tập luyện và biểu diễn

		4.2. Dụng cụ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao	- Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao	- Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao
		4.3. Phương tiện vận chuyển	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng	- Được trang bị xe ô tô chuyên dùng

1.2. Có nhiều hoạt động kết nối với xã

- Tổ chức các hoạt động thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 2, Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL.

- Thư viện được bảo đảm nguồn lực cho hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng và có khả năng kết nối, liên thông với mạng lưới Thư viện của tỉnh, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng	
			Đô thị, đồng bằng	Miền núi, hải đảo
7	Tổ chức hoạt động	7.1. Hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ:		
		- Số chương trình hoạt động tại chỗ	Tối thiểu 20 chương trình/năm	Tối thiểu 12 chương trình/năm
		- Số chương trình hoạt động lưu động	Tối thiểu 10 chương trình/năm	Tối thiểu 06 chương trình/năm
		- Số buổi hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động	- Tối thiểu 100 buổi/năm	Tối thiểu 80 buổi/năm
		- Số chương trình hoạt động phối hợp, liên kết	- Tối thiểu 06 chương trình/năm	Tối thiểu 03 chương trình/năm
		7.2. Số lớp năng khiếu, ngành nghề chuyên môn được tổ chức trong năm	- Tối thiểu 12 lớp năng khiếu/năm	- Tối thiểu 08 lớp năng khiếu/năm
		7.3. Số cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, hội chợ triển lãm tổ chức trong năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm	- Tối thiểu 04 cuộc/năm
		7.4. Số cuộc thi đấu thể thao trong năm	- Tối thiểu 08 cuộc/năm	- Tối thiểu 06 cuộc/năm

	7.5. Các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ cho các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cơ sở trong địa bàn:		
	- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa, thể thao cho cơ sở	Tối thiểu 06 lớp/năm	Tối thiểu 04 lớp/năm
	- Ấn hành tài liệu nghiệp vụ	Tối thiểu 12 loại tài liệu; 1.800 bản/năm	Tối thiểu 06 loại tài liệu; 1.000 bản/năm
	7.6. Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em	- Đạt 30% thời gian hoạt động của Trung tâm	- Đạt 20% thời gian hoạt động của Trung tâm
	7.7. Tổng số lượt người đến tham gia, sinh hoạt tại Trung tâm	- Tối thiểu 10.000 lượt người/năm	- Tối thiểu 8.000 lượt người/năm

Hồ sơ minh chứng: Quyết định đầu tư xây dựng, hồ sơ thiết kế, quy chế hoạt động, quyết định đầu tư mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, kế hoạch tổ chức các hoạt động của năm, kế hoạch tổ chức từng hoạt động được phê duyệt của Trung tâm, kế hoạch hoạt động của Thư viện...

2. Nội dung tiêu chí 5.2 “Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn, thường xuyên tổ chức các loại hình hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao” đối với huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã

2.1. Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn

- Quy hoạch đất tại vị trí trung tâm đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

- Diện tích sử dụng thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 2, Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; khoản 2, Điều 4, Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT.

- Quy mô xây dựng và trang thiết bị hoạt động: Thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng
------------	-----------------	--------------------------	-------------------------

			Đô thị, đồng bằng	Miền núi, hải đảo
2	Tổng diện tích đất hiện đang sử dụng	2.1. Diện tích đất được quy hoạch (không kể diện tích của các công trình thể dục thể thao trong nhà và ngoài trời)	Tối thiểu 5.000 m ²	Tối thiểu 2.500 m ²
		2.2. Diện tích hoạt động trong nhà:		
		- Văn phòng	Tối thiểu 250 m ²	Tối thiểu 150 m ²
		- Phục vụ hoạt động chuyên môn	Tối thiểu 1.000 m ²	Tối thiểu 600 m ²
		2.3. Diện tích hoạt động ngoài trời	Tối thiểu 3.300 m ²	Tối thiểu 1.750 m ²
3	Quy mô xây dựng	3.1. Hội trường	Tối thiểu 350 chỗ ngồi	Tối thiểu 300 chỗ ngồi
		3.2. Phòng làm việc lãnh đạo:		
		- Phòng Giám đốc	Tối thiểu 10 m ²	Tối thiểu 10 m ²
		- Phòng các Phó Giám đốc	Tối thiểu 10 m ²	Tối thiểu 10 m ²
		3.3. Diện tích phòng làm việc của bộ phận chuyên môn		
		- Hành chính - Tổng hợp	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Văn hóa văn nghệ	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Thể dục thể thao	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Đội Tuyên truyền lưu động	Tối thiểu 30 m ²	Tối thiểu 25 m ²
		* Một số Trung tâm cấp huyện chưa tách các tổ chức sự nghiệp riêng biệt có thể có các phòng làm việc của bộ phận chuyên môn như sau:		
- Phòng truyền thống	Tối thiểu 60 m ²	Tối thiểu 40 m ²		

		- Phòng đọc, kho sách	Tối thiểu 60 m ²	Tối thiểu 40 m ²
		- Du lịch, nếp sống, gia đình	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 15 m ²
		- Kho chứa trang thiết bị	Tối thiểu 20 m ²	Tối thiểu 20 m ²
		3.4. Công trình thể dục thể thao	- Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao	- Có ít nhất hai trong các công trình: + Sân vận động + Bể bơi + Nhà tập luyện thể thao
		3.5. Công trình phụ trợ		
		- Sân khấu phục vụ tập luyện và biểu diễn nghệ thuật trong nhà	Tối thiểu 12x8 m	Tối thiểu 9x6 m
		- Khu triển lãm, biểu diễn ngoài trời	Tối thiểu 500 m ²	Tối thiểu 400 m ²
		- Khu dịch vụ, vui chơi giải trí, vườn hoa	Tối thiểu 800 m ²	Tối thiểu 500 m ²
4	Trang thiết bị	4.1. Hội trường đa năng - Trang bị âm thanh, ánh sáng - Đạo cụ, trang phục	- Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 350 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 350 người - Đáp ứng tốt yêu cầu tập luyện và biểu diễn	- Có đủ, bàn ghế tối thiểu cho 300 chỗ ngồi - Đủ công suất phục vụ tối thiểu 300 người - Đáp ứng nhu cầu tối thiểu cho tập luyện và biểu diễn
		4.2. Dụng cụ tập luyện và thi đấu thể dục thể thao	Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao	Đảm bảo theo công trình thể dục thể thao
		4.3. Phương tiện vận chuyển	Được trang bị xe ô tô chuyên dùng	Được trang bị xe ô tô chuyên dùng

2.2. Thường xuyên tổ chức các loại hình hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao: Thực hiện theo quy định tại khoản 7, Điều 2, Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Cụ thể theo vùng
-----	----------	-------------------	------------------

			Đô thị, đồng bằng	Miền núi, hải đảo
7	Tổ chức hoạt động	7.1. Hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ:		
		- Số chương trình hoạt động tại chỗ	Tối thiểu 20 chương trình/năm	Tối thiểu 12 chương trình/năm
		- Số chương trình hoạt động lưu động	Tối thiểu 10 chương trình/năm	Tối thiểu 06 chương trình/năm
		- Số buổi hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động	Tối thiểu 100 buổi/năm	Tối thiểu 80 buổi/năm
		- Số chương trình hoạt động phối hợp, liên kết	Tối thiểu 06 chương trình/năm	Tối thiểu 03 chương trình/năm
		7.2. Số lớp năng khiếu, ngành nghề chuyên môn được tổ chức trong năm	Tối thiểu 12 lớp năng khiếu/năm	Tối thiểu 08 lớp năng khiếu/năm
		7.3. Số cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn, hội chợ triển lãm tổ chức trong năm	Tối thiểu 06 cuộc/năm	Tối thiểu 04 cuộc/năm
		7.4. Số cuộc thi đấu thể thao trong năm	Tối thiểu 08 cuộc/năm	Tối thiểu 06 cuộc/năm
		7.5. Các hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ cho các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cơ sở trong địa bàn:		
		- Tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về văn hóa, thể thao cho cơ sở	Tối thiểu 06 lớp/năm	Tối thiểu 04 lớp/năm
		- Ấn hành tài liệu nghiệp vụ	Tối thiểu 12 loại tài liệu; 1.800 bản/năm	Tối thiểu 06 loại tài liệu; 1.000 bản/năm
		7.6. Tổ chức các hoạt động văn hóa, vui chơi giải trí phục vụ trẻ em	- Đạt 30% thời gian hoạt động của Trung tâm	- Đạt 20% thời gian hoạt động của Trung tâm
		7.7. Tổng số lượt người đến tham gia, sinh hoạt tại Trung tâm	- Tối thiểu 10.000 lượt người/năm	- Tối thiểu 8.000 lượt người/năm

Hồ sơ minh chứng: Quyết định đầu tư xây dựng, hồ sơ thiết kế, quy chế hoạt động, quyết định đầu tư mua sắm trang thiết bị, dụng cụ, kế hoạch tổ chức các hoạt động của năm, Kế hoạch tổ chức từng hoạt động được phê duyệt của Trung tâm, kế hoạch hoạt động của Thư viện...

V. ĐỐI VỚI TIÊU CHÍ BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ HUYỆN THÔN MỚI NÂNG CAO

Huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 đối với lĩnh vực văn hóa phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Huyện đã đạt chuẩn và giữ vững các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nội dung tiêu chí 5.2 “Có công viên, hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao”:

Có 100% các công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời và phải đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, tập luyện thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí cho người dân trong huyện.

3. Nội dung tiêu chí 5.3 “Các giá trị văn hóa truyền thống được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả”.

3.1. Nội dung “Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả”

- Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2014/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc.

- Các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn được bảo tồn, phát huy đạt hiệu quả; có đề án, dự án, chương trình, kế hoạch về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc được triển khai thực hiện, duy trì hàng năm tại địa phương.

3.2. Nội dung: “Các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả”

Thực hiện theo quy định pháp luật về di sản văn hóa, cụ thể:

- Luật Di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 (các Điều: 17, 18, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 41, 42, 43, 45);

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; Nghị định số 109/2017/NĐ-CP; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP; Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL; Thông tư số 09/2011/TTBVHTTDL; Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL; Thông tư số 18/2022/TTBVHTTDL.

Hồ sơ minh chứng: Hồ sơ thực hiện công tác quản lý, phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn đúng theo quy định, các quyết định phê duyệt đầu tư xây dựng quảng trường, công viên và khảo sát thực tế.

4. Nội dung tiêu chí 6.5 “Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội”

4.1. Xây dựng chuyên mục du lịch trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện hoặc website riêng quảng bá du lịch của huyện hoặc fanpage du lịch của huyện trên mạng xã hội.

4.2. Thông tin về điểm du lịch của huyện được thường xuyên cập nhật trên chuyên mục du lịch hoặc website du lịch của huyện hoặc fanpage du lịch của huyện trên mạng xã hội.

4.3. Chuyên mục du lịch/website du lịch của huyện có kết nối với website du lịch của cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch cấp tỉnh.

Hồ sơ minh chứng cho Tiêu chí 6.5: cập nhật link/đường dẫn trên các bài viết về du lịch của huyện trên trang thông tin điện tử hoặc website hoặc tên fanpage cụ thể trong báo cáo kết quả thực hiện. Thể hiện số liệu cụ thể về các bài đăng về chuyên mục du lịch, các điểm du lịch của huyện trong 01 năm, đồng thời in tất cả các bài viết đính kèm báo cáo nhằm thể hiện tính thường xuyên liên tục trong thực hiện quảng bá du lịch. Chuyên mục du lịch/website du lịch của huyện phải kết nối với website du lịch, Trang thông tin điện tử Sở Du lịch.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa và Thể thao: Là cơ quan đầu mối phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn địa phương thực hiện nội dung các tiêu chí, chỉ tiêu về lĩnh vực văn hóa và thể thao thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã và huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

2. Sở Du lịch: Đơn vị chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện tiêu chí 13.7 và tiêu chí 6.5.

3. UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ vào điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng, đặc điểm văn hóa của địa phương chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu triển khai thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương, quy định của UBND tỉnh về lĩnh vực văn hóa, thể thao, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát lập quy hoạch, xây dựng Kế hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở cơ sở đáp ứng nhu cầu cầu hưởng thụ, sinh hoạt văn hóa tinh thần và rèn luyện sức khỏe của Nhân dân góp phần phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo mức đạt chuẩn về tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Văn hóa và Thể thao) để kịp thời xem xét, xử lý./.
